

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT
NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hiệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Hòa	Phó Chủ tịch
Ông Hồ Thái Hà	Thành viên
Ông Ngô Hữu Hoàn	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Vương Quang Diệu	Trưởng ban
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên
Bà Phạm Thị Đăng Thơ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Hữu Hoàn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Số: 121 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 7 năm 2016, từ trang 4 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã lập các bút toán điều chỉnh cần thiết để trình bày lại báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

12500
HI NH
ÔNG
NHIỆM
LỐI
TP. HC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần trên báo cáo kiểm toán ký ngày 10 tháng 3 năm 2016.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét bởi công ty kiểm toán khác với báo cáo soát xét ký ngày 26 tháng 8 năm 2015.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.006.249.608.539	893.785.490.129
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	79.413.287.422	56.183.204.913
1. Tiền	111		36.662.287.422	46.568.204.913
2. Các khoản tương đương tiền	112		42.751.000.000	9.615.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.000.000.000	40.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7	40.000.000.000	40.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		109.110.585.457	111.122.059.435
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	93.991.021.540	94.358.060.174
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	14.311.983.000	17.543.165.940
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	807.580.917	854.665.070
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(1.633.831.749)
IV. Hàng tồn kho	140		775.420.094.212	683.148.891.515
1. Hàng tồn kho	141	11	779.950.084.416	684.723.668.562
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	11	(4.529.990.204)	(1.574.777.047)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.305.641.448	3.331.334.266
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		89.601.327	95.632.530
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.216.040.121	3.235.701.736
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		328.487.818.824	236.524.282.191
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		130.005.000.000	90.005.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	10	130.005.000.000	90.005.000.000
II. Tài sản cố định	220		51.937.047.915	51.132.675.380
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	25.022.286.103	24.187.113.572
- Nguyên giá	222		44.116.091.965	41.336.025.303
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.093.805.862)	(17.148.911.731)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	26.914.761.812	26.945.561.808
- Nguyên giá	228		28.106.468.417	28.106.468.417
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.191.706.605)	(1.160.906.609)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	92.732.318.834	94.851.614.348
- Nguyên giá	231		107.054.750.832	107.054.750.832
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(14.322.431.998)	(12.203.136.484)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		53.556.208.096	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	53.556.208.096	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		257.243.979	534.992.463
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		253.191.169	275.630.101
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.052.810	259.362.362
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.334.737.427.363	1.130.309.772.320

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN

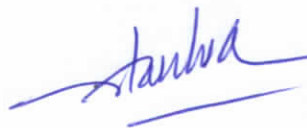
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016		31/12/2015	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.007.680.315.029		832.169.219.069	
I. Nợ ngắn hạn	310		935.280.565.029		756.279.469.069	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	218.237.647.148		119.867.755.827	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		19.449.782.731		17.951.257.059	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	6.871.629.387		6.378.122.248	
4. Phải trả người lao động	314		14.631.414.037		8.730.273.826	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.391.035.523		2.712.675.289	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.905.134.500		279.145.000	
7. Vay ngắn hạn	320	19	665.242.822.980		596.006.346.908	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.551.098.723		4.353.892.912	
II. Nợ dài hạn	330		72.399.750.000		75.889.750.000	
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	42.899.750.000		42.889.750.000	
2. Vay dài hạn	338	20	29.500.000.000		33.000.000.000	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		327.057.112.334		298.140.553.251	
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	327.057.112.334		298.140.553.251	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		101.047.770.000		80.000.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		101.047.770.000		80.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.138.343.637		55.186.113.637	
3. Cổ phiếu quỹ	415		(11.978.525.300)		(11.978.525.300)	
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		99.147.993.323		80.022.172.140	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		102.819.951.424		93.007.995.326	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		57.679.247.632		47.350.019.932	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ này/năm nay	421b		45.140.703.792		45.657.975.394	
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	22	1.881.579.250		1.902.797.448	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.334.737.427.363		1.130.309.772.320	




Nguyễn Thị Thu Hiền
 Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa
 Kế toán trưởng




 Ngô Hữu Hoàn
 Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 7 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON

111-121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016


MẪU SỐ B 02a-DN


(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015	
			Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	đến ngày 30/6/2015 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.680.789.493.019	1.018.854.738.645
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.492.637.855	3.194.941.612
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	1.678.296.855.164	1.015.659.797.033
4. Giá vốn hàng bán	11	26	1.552.662.921.808	931.467.751.366
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		125.633.933.356	84.192.045.667
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	1.084.795.533	212.510.843
7. Chi phí tài chính	22	29	20.986.118.550	23.116.628.532
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.977.127.390	22.897.584.742
8. Chi phí bán hàng	25	30	15.940.567.039	14.346.522.381
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	24.353.887.210	13.721.761.823
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		65.438.156.090	33.219.643.774
11. Thu nhập khác	31		2.019.785.768	334.544.637
12. Chi phí khác	32		167.343.788	258.571.220
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.852.441.980	75.973.417
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		67.290.598.070	33.295.617.191
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	13.457.601.732	7.335.215.623
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		255.309.552	44.499.118
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		53.577.686.786	25.915.902.450
Phân bổ cho:				
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		52.795.749.792	25.344.354.702
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	23	781.936.994	571.547.748
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	<u>4.598</u>	<u>2.132</u>


Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu


Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng


Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 7 năm 2016




Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2016	Từ ngày 01/01/2015
		đến ngày 30/6/2016	đến ngày 30/6/2015 (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	67.290.598.070	33.295.617.191
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.808.216.797	5.467.720.088
- Các khoản dự phòng	03	1.321.381.408	757.683.682
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(96.637.766)	(632.393)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(810.329.256)	(158.949.905)
- Chi phí lãi vay	06	20.977.127.390	22.897.584.742
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	93.490.356.643	62.259.023.405
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(35.658.297.838)	80.856.375.793
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(95.226.415.854)	23.657.240.996
- Thay đổi các khoản phải trả	11	56.103.238.277	(126.423.454.309)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	28.470.135	(177.278.195)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(21.212.650.966)	(23.029.939.962)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.603.568.190)	(7.538.222.334)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	14.500.000	3.960.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.014.074.695)	(4.001.947.054)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.078.442.488)	5.605.758.340
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(8.701.420.314)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	363.636.364	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(40.000.000.000)
4. Tiền thu tiền lãi tiền gửi	27	418.858.067	158.949.905
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.918.925.883)	(39.841.050.095)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.413.450.954.193	995.006.050.469
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.347.714.478.121)	(977.282.614.363)
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.509.025.192)	(7.999.736.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	51.227.450.880	9.723.700.106
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	23.230.082.509	(24.511.591.649)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	56.183.204.913	57.252.649.452
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	632.393
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	79.413.287.422	32.741.690.196


 Nguyễn Thị Thu Hiền
 Người lập biểu


 Hà Hạnh Hoa
 Kế toán trưởng


 Ngô Hữu Hoàn
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2016

* Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty.

4. TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA NĂM TRƯỚC

Trong kỳ, Ban Tổng Giám đốc đã quyết định điều chỉnh khoản lợi nhuận được chia từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty phù hợp theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được trình bày lại nhằm điều chỉnh số liệu Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và Doanh thu hoạt động tài chính, chi tiết các khoản mục ảnh hưởng bởi việc trình bày lại như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Mã số	Số đã trình bày VND	Số trình bày lại VND	Thay đổi VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.014.692.942.525	1.018.854.738.645	4.161.796.120
Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.374.306.963	212.510.843	(4.161.796.120)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.320.746.025)	(158.949.905)	4.161.796.120
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.320.746.025	158.949.905	(4.161.796.120)

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tập đoàn và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

125
CHI NI
CÔNG
NIÊN
LÒ
ÉT N
TP. H

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc thiết bị	4 - 15
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản cố định khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất không có thời hạn và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản thể hiện giá trị quyền sử dụng đất mà Công ty đang thực hiện chuyển nhượng trong 6 tháng đầu năm 2016 và nắm giữ với mục đích xây dựng bất động sản đầu tư trong tương lai.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tòa nhà và hệ thống camera an ninh.

Chi phí sửa chữa văn phòng và lắp đặt hệ thống xử lý hệ thống nước thải tòa nhà được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian là 60 tháng.

Chi phí lắp đặt hệ thống camera an ninh được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 24 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động kế toán.

Thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động thể hiện phần doanh thu cho thuê cao ốc văn phòng. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN**

Phân phối quỹ và phân chia cổ tức

Phân chia cổ tức cho các cổ đông Công ty được ghi nhận như là khoản công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ với số cổ tức được thông qua bởi các cổ đông Công ty.

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tiền mặt	704.091.070	653.135.219
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.958.196.352	45.915.069.694
Các khoản tương đương tiền (*)	42.751.000.000	9.615.000.000
	<u>79.413.287.422</u>	<u>56.183.204.913</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng với lãi suất được hưởng hàng năm từ 4% đến 5,5% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: từ 4% đến 5%/năm).

7. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Chứng khoán kinh doanh thể hiện khoản đầu tư mua 4.000.000 cổ phần với tỷ lệ 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khải Huy Quân với giá mua là 40.000.000.000 đồng.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính tại ngày kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Ngày 13 tháng 7 năm 2016, Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư này lại cho bên thứ ba với giá bán cao hơn mệnh giá 10.705 đồng/cổ phần. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng khoản đầu tư này không bị giảm giá theo quy định của Thông tư số 228 và Thông tư số 89. Do đó, Công ty không cần trích dự phòng giảm giá cho khoản chứng khoán kinh doanh này.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại thép Nguyễn Minh	50.561.822.063	41.302.900.886
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyễn Minh	27.638.383.279	21.122.164.124
Các khoản phải thu khách hàng khác	15.790.816.198	31.932.995.164
	<u>93.991.021.540</u>	<u>94.358.060.174</u>

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Các khoản trả trước cho người bán chủ yếu thể hiện khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa Ốc Hưng Thịnh liên quan đến dự án Sentosa Villa, Mũi Né, Thành phố Phan Thiết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN**

10. PHẢI THU KHÁC

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
a. Ngắn hạn		
- Phải thu người lao động	199.004.950	110.526.810
- Ký cược, ký quỹ	199.000.000	302.014.700
- Phải thu khác	409.575.967	442.123.560
	<u>807.580.917</u>	<u>854.665.070</u>
b. Dài hạn		
- Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh (*)	95.000.000.000	90.000.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Bích Đào (*)	35.000.000.000	-
- Phải thu khác	5.000.000	5.000.000
	<u>130.005.000.000</u>	<u>90.005.000.000</u>

(*) Thể hiện giá trị các khoản đầu tư với hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Hưng Thịnh và Doanh nghiệp tư nhân Bích Đào.

11. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2016 VND		31/12/2015 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	126.238.030.215	-	90.852.709.290	-
Nguyên liệu, vật liệu	233.058.904.000	-	205.060.281.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	72.767.604	-	107.526.314	-
Hàng hóa	420.580.382.597	(4.529.990.204)	388.703.151.958	(1.574.777.047)
	<u>779.950.084.416</u>	<u>(4.529.990.204)</u>	<u>684.723.668.562</u>	<u>(1.574.777.047)</u>

Trong kỳ, Công ty đã trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.955.213.157 đồng (năm 2015: 1.574.777.047 đồng) vì giá bán thép ước tính trong tương lai sẽ giảm so với giá mua vào.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, hàng tồn kho với giá trị là 50 tỷ đồng đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng (Thuyết minh số 19).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2016	11.498.803.834	20.973.506.433	8.741.891.786	91.758.000	30.065.250	41.336.025.303
Mua sắm tài sản cố định trong kỳ	-	-	3.493.293.818	-	-	3.493.293.818
Thanh lý	-	-	(713.227.156)	-	-	(713.227.156)
Tại ngày 30/6/2016	11.498.803.834	20.973.506.433	11.521.958.448	91.758.000	30.065.250	44.116.091.965
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2016*	4.408.227.871	8.136.634.439	4.492.220.627	81.763.544	30.065.250	17.148.911.731
Khấu hao trong kỳ	416.659.212	1.453.360.578	782.104.833	5.996.664	-	2.658.121.287
Thanh lý	-	-	(713.227.156)	-	-	(713.227.156)
Tại ngày 30/6/2016	4.824.887.083	9.589.995.017	4.561.098.304	87.760.208	30.065.250	19.093.805.862
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2016	6.673.916.751	11.383.511.416	6.960.860.144	3.997.792	-	25.022.286.103
Tại ngày 31/12/2015	7.090.575.963	12.836.871.994	4.249.671.159	9.994.456	-	24.187.113.572

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp một phần nhà cửa, vật kiến trúc với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 5.404.565.645 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5.545.262.069 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình của các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 2.474.223.402 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.059.528.727 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN**

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí san lấp mặt bằng VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2016 và 30/6/2016	25.255.147.500	2.620.320.917	231.000.000	28.106.468.417
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2016	-	960.706.605	200.200.004	1.160.906.609
Khấu hao trong kỳ	-	-	30.799.996	30.799.996
Tại ngày 30/6/2016	-	960.706.605	231.000.000	1.191.706.605
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2016	25.255.147.500	1.659.614.312	-	26.914.761.812
Tại ngày 01/01/2016	25.255.147.500	1.659.614.312	30.799.996	26.945.561.808

Như trình bày tại Thuyết minh số 19 và 20, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 25.255.147.500 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 25.255.147.500 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay từ ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình của các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 231.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 0 đồng).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2016 và 30/6/2016	107.054.750.832
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2016	12.203.136.484
Khấu hao trong kỳ	2.119.295.514
Tại ngày 30/6/2016	14.322.431.998
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2016	92.732.318.834
Tại ngày 01/01/2016	94.851.614.348

Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là khoảng 18.875.082.664 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 18.839.252.776 đồng) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 1.089.974.794 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.231.010.009 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN**

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị đất mà Công ty đã mua trong tháng 6 năm 2016 với mục đích xây dựng cao ốc cho thuê trong tương lai. Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong tháng 7 năm 2016.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND	
Metal One Corporation	86.547.898.458	86.547.898.458	28.186.247.656	28.186.247.656
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	48.348.081.600	48.348.081.600	-	-
Cargrill International Trading	-	-	23.977.601.200	23.977.601.200
Win Faith Trading Limited	-	-	20.353.266.886	20.353.266.886
Hangzhou Ciec International	-	-	18.816.555.785	18.816.555.785
Phải trả cho các đối tượng khác	83.341.667.090	83.341.667.090	28.534.084.300	28.534.084.300
	218.237.647.148	218.237.647.148	119.867.755.827	119.867.755.827

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Truy thu thuế các năm trước	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2016
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	116.874.754	2.507.149.172	-	(2.624.023.926)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	36.519.082.161	-	(36.519.082.161)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	21.390.921	-	(21.390.921)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	857.356.684	-	(857.356.684)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.565.189.888	13.457.601.732	62.103.460	(12.603.568.190)	6.481.326.890
Thuế thu nhập cá nhân	696.057.606	3.412.812.422	-	(3.718.567.531)	390.302.497
Tiền thuê đất	-	2.692.917.286	-	(2.692.917.286)	-
Thuế tự vệ	-	11.418.163.991	-	(11.418.163.991)	-
Các loại thuế khác	-	426.362.496	-	(426.362.496)	-
Tổng cộng	6.378.122.248	71.312.836.865	62.103.460	(70.881.433.186)	6.871.629.387

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	1.612.232.000	8.010.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	140.220.000	119.450.000
Các khoản khác	152.682.500	151.685.000
	1.905.134.500	279.145.000
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	42.899.750.000	42.889.750.000

(*) Thể hiện các khoản ký quỹ, ký cược nhận được từ việc cho thuê các cao ốc văn phòng với kỳ hạn trên 12 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

19. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2015		Trong kỳ		30/6/2016	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	93.970.000.000	93.970.000.000	148.953.433.750	(130.770.000.000)	112.153.433.750	112.153.433.750
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh	218.851.527.535	218.851.527.535	443.198.421.454	(462.951.063.045)	199.098.885.944	199.098.885.944
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	148.225.836.905	148.225.836.905	360.907.628.171	(352.390.490.342)	156.742.974.734	156.742.974.734
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lý Thường Kiệt	38.503.982.468	38.503.982.468	168.323.674.435	(123.011.909.886)	83.815.747.017	83.815.747.017
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	51.400.000.000	51.400.000.000	167.444.397.100	(163.960.214.800)	54.884.182.300	54.884.182.300
Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	5.000.000.000	5.000.000.000	19.951.235.400	(14.951.235.400)	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	27.650.000.000	27.650.000.000	46.048.132.145	(49.698.432.650)	23.999.699.495	23.999.699.495
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	53.959.031.738	(39.376.131.998)	14.582.899.740	14.582.899.740
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	5.405.000.000	5.405.000.000	4.665.000.000	(7.105.000.000)	2.965.000.000	2.965.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 20)	7.000.000.000	7.000.000.000	3.500.000.000	(3.500.000.000)	7.000.000.000	7.000.000.000
	596.006.346.908	596.006.346.908	1.416.950.954.193	(1.347.714.478.121)	665.242.822.980	665.242.822.980

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam từ các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính trong nước với lãi suất theo mức lãi suất thông báo bởi Ngân hàng tại ngày giải ngân. Các khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị hàng tồn kho luân chuyển, nhà cửa, vật kiến trúc, quyền sử dụng đất và bất động sản đầu tư như đã trình bày trong Thuyết minh số 11, 12, 13 và 14 hoặc không có bảo đảm.

20. VAY DÀI HẠN

	31/12/2015				30/6/2016			
	VND		VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh	40.000.000.000	40.000.000.000	-	(3.500.000.000)	36.500.000.000	36.500.000.000		
Tổng các khoản vay dài hạn	40.000.000.000	40.000.000.000	-	(3.500.000.000)	36.500.000.000	36.500.000.000		
Trong đó:								
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	7.000.000.000	7.000.000.000			7.000.000.000	7.000.000.000		
- Số phải trả sau 12 tháng	33.000.000.000	33.000.000.000			29.500.000.000	29.500.000.000		

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 10, Thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán cho các chi phí đầu tư dự án cửa hàng kinh doanh và văn phòng với lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng tại từng thời kỳ, thời hạn vay 90 tháng. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai tại 277B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2016	31/12/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.000.000.000	7.000.000.000
Trong năm thứ hai	7.000.000.000	7.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	21.000.000.000	21.000.000.000
Sau năm năm	1.500.000.000	5.000.000.000
	36.500.000.000	40.000.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	29.500.000.000	33.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN**

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty mẹ như sau:

Cổ phần	30/6/2016	31/12/2015
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	10.104.777	8.000.000
Số lượng cổ phần quỹ	(344.954)	(344.954)
Số lượng cổ phần đang lưu hành	<u>9.759.823</u>	<u>7.655.046</u>

Công ty mẹ chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty mẹ.

Vốn cổ phần thực tế do các cổ đông góp vốn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

	Số lượng cổ phần và tỉ lệ nắm giữ				Vốn đã góp	
	30/6/2016		31/12/2015		30/6/2016	31/12/2015
	Cổ phần	%	Cổ phần	%	VND	VND
Ông Nguyễn Quang Hòa	1.032.500	10%	1.032.500	13%	10.325.000.000	10.325.000.000
Bà Nguyễn Trần Thảo Nguyên	2.038.897	20%	2.038.897	25%	20.388.970.000	20.388.970.000
Bà Trần Thị Đan Thanh	881.350	9%	881.350	11%	8.813.500.000	8.813.500.000
Công ty quản lý quỹ PYN Elite Fund (Non-Ucits)	438.440	4%	438.440	5%	4.384.400.000	4.384.400.000
Các cổ đông khác	5.713.590	57%	3.608.813	45%	57.135.900.000	36.088.130.000
	<u>10.104.777</u>	<u>100%</u>	<u>8.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>101.047.770.000</u>	<u>80.000.000.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a -DN

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2015	80.000.000.000	55.186.113.637	(2.821.300)	75.766.626.977	65.897.778.196	1.646.400.112	278.494.097.622
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	25.344.354.702	571.547.748	25.915.902.450
Chia cổ tức	-	-	-	-	(7.999.736.000)	(653.845.215)	(8.653.581.215)
Phân phối quỹ	-	-	-	3.827.195.726	(9.567.989.315)	-	(5.740.793.589)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội	-	-	-	-	(299.978.000)	-	(299.978.000)
Tại ngày 30/6/2015	80.000.000.000	55.186.113.637	(2.821.300)	79.593.822.703	73.374.429.583	1.564.102.645	289.715.647.268
Tại ngày 01/01/2016	80.000.000.000	55.186.113.637	(11.978.525.300)	80.022.172.140	93.007.995.326	1.902.797.448	298.140.553.251
Tăng vốn trong kỳ (1)	21.047.770.000	(21.047.770.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	52.795.749.792	781.936.994	53.577.686.786
Phân phối quỹ (2)	-	-	-	19.125.821.183	(19.125.821.183)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (2)	-	-	-	-	(6.557.424.405)	-	(6.557.424.405)
Trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (2)	-	-	-	-	(1.639.356.101)	-	(1.639.356.101)
Cổ tức được chia (3)	-	-	-	-	(15.310.092.000)	(803.155.192)	(16.113.247.192)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội (2)	-	-	-	-	(351.100.005)	-	(351.100.005)
Tại ngày 30/6/2016	101.047.770.000	34.138.343.637	(11.978.525.300)	99.147.993.323	102.819.951.424	1.881.579.250	327.057.112.334

(1) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26 tháng 3 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty mẹ đã thông qua việc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn chủ sở hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần theo tỷ lệ chuyển đổi 04:1,1, mệnh giá cổ phần tăng thêm là 10.000 đồng/cổ phần. Ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phần tăng thêm là ngày 03 tháng 6 năm 2016. Sau khi phát hành thêm cổ phần, số lượng cổ phần và vốn điều lệ của Công ty mẹ tăng tương ứng 10.104.777 cổ phần và 101.047.770.000 đồng và được cập nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 18 ngày 16 tháng 6 năm 2016. Việc chuyển đổi trên đã được Công ty mẹ thông báo và được chấp nhận bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Thông báo số 3347/UBCK-QLCB ngày 17 tháng 6 năm 2016.

(2) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26 tháng 3 năm 2016, Công ty đã phê duyệt việc trích lập các quỹ trong kỳ bao gồm số trích lập bổ sung Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và trích lập quỹ tham gia công tác xã hội từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2015.

(3) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26 tháng 3 năm 2016, Công ty mẹ đã công bố chia cổ tức cuối năm 2015 cho các cổ đông từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2015 với số tiền là 7.655.046.000 đồng và tạm trích cổ tức đợt một năm 2016 từ lợi nhuận chưa phân phối kỳ này với số tiền là 7.655.046.000 đồng cho cổ đông. Trong kỳ, Công ty đã chi trả cổ tức với số tiền là 13.705.870.000 đồng.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

	Đơn vị	30/6/2016	31/12/2015
Đô la Mỹ	USD	948,47	946,96

23. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định như sau:

	Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	
Vốn điều lệ của công ty con	3.000.000.000
Trong đó:	
- Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	2.400.000.000
- Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	600.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	20%
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	
Vốn điều lệ của công ty con	3.000.000.000
Trong đó:	
- Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	2.400.000.000
- Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	600.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	20%

2500-
NHÀ
IG T
HIỆM H
OIT
I NA
HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát dựa vào tài sản thuần như sau:

Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam
VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tổng tài sản	31.571.309.741
Tổng nợ phải trả	(25.269.943.270)
Tài sản thuần	6.301.366.471

Chi tiết như sau:

- Vốn điều lệ	3.000.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	2.498.211.279
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	803.155.192

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát **1.902.797.448**

Chi tiết như sau:

- Vốn điều lệ	600.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	499.642.256
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	160.631.038

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Tổng tài sản	14.337.282.209
Tổng nợ phải trả	(4.929.385.959)
Tài sản thuần	9.407.896.250

Chi tiết như sau:

- Vốn điều lệ	3.000.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	2.498.211.279
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.909.684.971

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát **1.881.579.250**

Chi tiết như sau:

- Vốn điều lệ	600.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	499.642.256
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	781.936.994

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ như sau:

Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam
VND

Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015

Lợi nhuận trong kỳ	2.857.738.739
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh	571.547.748

Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016

Lợi nhuận trong kỳ	3.909.684.971
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh	781.936.994

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là thương mại, dịch vụ, mua bán sắt thép. Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty như ủy thác xuất nhập khẩu; kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, mặt bằng.... chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong kỳ (chiếm tỷ trọng khoảng 2.15% tổng doanh thu) cũng như các niên độ kế toán trước (chiếm tỷ trọng khoảng 2.24% tổng doanh thu), theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày và các kỳ trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN**

Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu của Công ty có được là do phần lớn xuất bán hàng hóa trong nội địa trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và các kỳ trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

25. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 (Trình bày lại)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa	1.245.840.978.166	681.203.270.105
- Doanh thu thành phẩm đã bán	398.745.227.090	314.784.185.873
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	16.537.513.929	16.228.518.431
- Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	17.402.916.666	4.161.796.120
- Doanh thu dịch vụ khác	2.262.857.168	2.476.968.116
	<u>1.680.789.493.019</u>	<u>1.018.854.738.645</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại	2.082.328.596	2.531.331.902
- Chiết khấu thương mại	410.309.259	663.609.710
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>1.678.296.855.164</u>	<u>1.015.659.797.033</u>

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.161.671.363.155	625.054.422.771
Giá vốn của thành phẩm đã bán	382.071.714.766	300.371.519.120
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	5.964.630.730	5.270.145.793
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.574.777.047)	(4.052.002.555)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.529.990.204	4.823.666.237
	<u>1.552.662.921.808</u>	<u>931.467.751.366</u>

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	375.315.353.594	149.788.491.475
Chi phí nhân công	26.031.185.196	14.305.205.609
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.808.216.797	5.467.720.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.124.830.260	13.955.709.139
Chi phí khác bằng tiền	5.051.213.898	4.458.177.195
	<u>428.330.799.745</u>	<u>187.975.303.506</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN**

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	446.692.892	195.371.317
Lãi chênh lệch tỷ giá	632.684.935	17.139.526
Lãi chậm thanh toán	5.417.706	-
	<u>1.084.795.533</u>	<u>212.510.843</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	20.977.127.390	22.897.584.742
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.991.160	215.643.790
Khác	-	3.400.000
	<u>20.986.118.550</u>	<u>23.116.628.532</u>

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.828.441.679	3.194.146.725
Chi phí vật liệu, bao bì	351.164.249	637.620.131
Chi phí khấu hao tài sản cố định	632.566.175	960.156.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.305.631.208	7.644.540.243
- Chi phí điện	1.612.917.817	1.793.673.425
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng	4.533.314.425	3.029.415.481
- Chi phí thuê kho, bảo trì	1.474.076.170	1.995.899.014
- Chi phí dịch vụ ngân hàng	1.685.322.796	825.552.323
Chi phí bằng tiền khác	1.822.763.728	1.910.058.529
	<u>15.940.567.039</u>	<u>14.346.522.381</u>

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	22.202.743.517	11.111.058.884
Chi phí vật liệu, bao bì	247.569.689	250.639.029
Chi phí khấu hao tài sản cố định	722.958.104	499.439.358
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.633.831.749)	(13.980.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	464.103.942	303.701.253
Chi phí bằng tiền khác	2.350.343.707	1.570.903.299
	<u>24.353.887.210</u>	<u>13.721.761.823</u>

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND
Lợi nhuận trước thuế	67.290.598.070	33.295.617.191
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	153.649.501	219.904.359
Trừ: Lợi nhuận chịu thuế nội bộ chưa thực hiện	(156.238.912)	(202.268.718)
Thu nhập tính thuế	67.288.008.659	33.313.252.832
Thuế suất thông thường	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.457.601.732	7.328.915.623

Công ty mẹ và Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 22%) trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể nào giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 (Trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	52.795.749.792	25.344.354.702
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành	(7.919.362.469)	(3.801.653.205)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	44.876.387.323	21.542.701.497
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.759.823	10.104.513
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.598	2.132

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế kỳ hoạt động như trên và số liệu ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích bằng 15% lợi nhuận sau thuế tương ứng với tỷ lệ trích trong năm 2015 của Công ty đã được phê duyệt theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26 tháng 3 năm 2016. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở nêu trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai kỳ do Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 (VAS 30) "Lãi trên cổ phiếu", tổng số cổ phiếu bình quân trong năm được điều chỉnh do việc Công ty tăng vốn cổ phần với số tiền 21.047.770.000 đồng từ thặng dư vốn cổ phần năm 2015 theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 3 năm 2016. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2015 đã được trình bày lại.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

0-002-C
ÁNH
TY
HỮU HẠ
TE
M
CHỈ NH

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN**

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ/niên độ kế toán như sau:

	30/6/2016 <u>VND</u>	31/12/2015 <u>VND</u>
Các khoản vay	694.742.822.980	629.006.346.908
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	79.413.287.422	56.183.204.913
Nợ thuần	<u>615.329.535.558</u>	<u>572.823.141.995</u>
Vốn chủ sở hữu	327.057.112.334	298.140.553.251
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>1,88</u>	<u>1,92</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính:

	30/6/2016 <u>VND</u>	31/12/2015 <u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.413.287.422	56.183.204.913
Chứng khoán kinh doanh	40.000.000.000	40.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	224.604.597.507	183.473.366.685
	<u>344.017.884.929</u>	<u>279.656.571.598</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	694.742.822.980	629.006.346.908
Phải trả người bán và phải trả khác	263.042.531.648	163.036.650.827
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.391.035.523	2.712.675.289
	<u>959.176.390.151</u>	<u>794.755.673.024</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá cổ phiếu, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản chứng khoán kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào chứng khoán kinh doanh cũng như ngành nghề kinh doanh, công ty đề đầu tư, v.v.. Ngày 13 tháng 7 năm 2016, Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư này lại cho bên thứ ba với giá bán cao hơn mệnh giá là 10.705 đồng/cổ phần. Do đó, Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 sẽ giảm/tăng 13.894.856.460 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 12.580.126.938 đồng).

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để bán lại cho các khách hàng trong nước. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu từ công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thép Nguyễn Minh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Nguyễn Minh như trình bày tại Thuyết minh số 8. Công ty có chính sách quản lý công nợ hiệu quả. Do đó, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là không đáng kể.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN**

30/6/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.413.287.422	-	-	79.413.287.422
Chứng khoán kinh doanh	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	94.599.597.507	130.005.000.000	-	224.604.597.507
	214.012.884.929	130.005.000.000	-	344.017.884.929
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	665.242.822.980	28.000.000.000	1.500.000.000	694.742.822.980
Phải trả người bán và phải trả khác	220.142.781.648	41.399.750.000	1.500.000.000	263.042.531.648
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.391.035.523	-	-	1.391.035.523
	886.776.640.151	69.399.750.000	3.000.000.000	959.176.390.151
Chênh lệch thanh khoản thuần	(672.763.755.222)	60.605.250.000	(3.000.000.000)	(615.158.505.222)
31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.183.204.913	-	-	56.183.204.913
Chứng khoán kinh doanh	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	93.468.366.685	90.005.000.000	-	183.473.366.685
	189.651.571.598	90.005.000.000	-	279.656.571.598
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	596.006.346.908	28.000.000.000	5.000.000.000	629.006.346.908
Phải trả người bán và phải trả khác	120.146.900.827	42.889.750.000	-	163.036.650.827
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.712.675.289	-	-	2.712.675.289
	718.865.923.024	70.889.750.000	5.000.000.000	794.755.673.024
Chênh lệch thanh khoản thuần	(529.214.351.426)	19.115.250.000	(5.000.000.000)	(515.099.101.426)

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh và duy trì mức độ hợp lý các khoản vay để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH một thành viên

Mối quan hệ

Cổ đông nắm giữ 20,68% vốn điều lệ và có đại diện là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty. Tháng 11/2015 Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH một thành viên đã bán hết 1.654.400 cổ phiếu nắm giữ tại Công ty (tương đương 20,68%).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH một thành viên	-	18.407.705.923

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 VND	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND
Lương, thù lao	4.183.500.000	3.944.001.000
Phụ cấp	228.118.800	446.609.600

**36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU
CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm 858.648.743 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015: 979.844.306 đồng), là số tiền lãi vay phát sinh trong kỳ nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.


Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định không bao gồm 48.348.081.600 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015: 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm và xây dựng tài sản cố định trong kỳ nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Thu nhập lãi tiền gửi không bao gồm 183.819.967 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015: 13.112.500 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong kỳ nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm cổ tức bằng tiền chưa thanh toán với số tiền là 1.612.232.000 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015: 0 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 7 năm 2016